

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2023

“Về việc: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh; bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2023/TLST - HNGĐ ngày ngày 24 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn Phước L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Bị đơn: Anh Thiệu Quang B, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Phước L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với ông Thiệu Quang B kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K vào ngày 20/01/1999, theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ đầu năm 2019 cho đến nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Bản thân anh B thường xuyên xúc phạm, bạo lực gia đình đối với tôi, đập phá tài sản trong nhà. Lần gần đây nhất là sau Tết nguyên đán năm 2023, anh B có đánh đập và uy hiếp tinh thần đối với tôi, tôi đã có đơn trình báo chính quyền địa phương

để giải quyết, tuy nhiên vì các con nên tôi đã xin địa phương cho tự giải quyết nội bộ gia đình. Nhưng sau khi giải quyết nội bộ gia đình xong thì anh B vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục có hành vi chửi bới, xúc phạm tinh thần đối với tôi.

Xét mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên tôi đã làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Thiệu Quang B. Nguyên vọng của tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi với anh Thiệu Quang B được ly hôn.

- *Về con chung*: Giữa tôi với anh Thiệu Quang B có 02 con chung là cháu Thiệu Quang K, sinh ngày 06/12/2000 và cháu Thiệu Anh Kh, sinh ngày 09/10/2004. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi, nên tự quyết định cuộc sống riêng của các cháu. Do đó tôi không yêu cầu giải quyết về con chung.

- *Về cấp dưỡng tiền nuôi con*: Các con chung giữa tôi với anh Thiệu Quang B đã trên 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

* *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Thiệu Quang B trình bày*: Tôi nhất trí với những gì mà chị Trần Thị H trình bày. Tuy nhiên tôi không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị H. Đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng tôi quay về đoàn tụ vì bản thân tôi vẫn còn thương yêu chị H. Do không đồng ý ly hôn nên các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án xem xét. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, công khai chứng cứ, hòa giải về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Vì vậy, căn cứ vào Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Thiệu Quang B.

- Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Thiệu Quang B có 02 con chung là cháu Thiệu Quang K, sinh ngày 06/12/2000 và cháu Thiệu Anh Kh, sinh ngày 09/10/2004. Hiện các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Nên không đề cập để giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trần Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thiệu Quang B. Anh Thiệu Quang B có hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung khởi kiện: Chị Trần Thị H làm đơn xin được ly hôn với anh Thiệu Quang B. Hội đồng xét xử thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương xã E cùng các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ thể hiện: Chị Trần Thị H và anh Thiệu Quang B kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K vào ngày 20/01/1999, theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: căn cứ vào lời trình bày của chị H và anh B và trong quá trình làm việc tại Tòa án anh B thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Cụ thể theo anh B khai “...bắt đầu từ năm 2002 thì vợ chồng thi thoảng có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mâu thuẫn này sau đó đã được tôi và chị H tự hàn gắn với nhau. Nhưng sau đó đến đầu năm 2020 thì vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn nhau do bất đồng quan điểm sống, và tôi đã có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H, bản thân tôi cũng đã có việc đập phá tài sản trong nhà (ti vi, nồi cơm điện...). Sau khi xảy ra sự việc trên thì chúng tôi vẫn sống chung nhà. Sau Tết nguyên đán năm 2023 thì chị H cương quyết ly hôn đối với tôi. Tôi đã biết lỗi xin chị H tha thứ và quay về chung sống nhưng chị H không đồng ý...”. Theo biên bản xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã E (BL 25-26, 27-28) thể hiện: “... Việc anh B có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H là có và chị H đã có đơn trình báo gửi công an xã để công an xã giải quyết...” (BL 25-26). “...vợ chồng ông B - bà H có xảy ra mâu thuẫn, ông B có hành vi bạo lực gia đình (bà H bị ông B đánh) đối với bà và bà H cũng đã có đơn trình báo đến công an xã. Sau đó bà đến công an xã xin để bà và ông B tự giải quyết nội bộ gia đình” (BL 27-28). Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu

thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị H với anh B và theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị H yêu cầu xin ly hôn đối với anh Thiệu Quang B là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Thiệu Quang B.

- *Về con chung*: Giữa chị Trần Thị H với anh Thiệu Quang B có 02 con chung là cháu Thiệu Quang K, sinh ngày 06/12/2000 và cháu Thiệu Anh Kh, sinh ngày 09/10/2004. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do các con chung của chị H, anh B đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Thiệu Quang B.
2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.
4. Về tài sản chung và về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.
5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0017075 ngày 24 tháng 5 năm 2023.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh